SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XẾP HẠNG CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM

TS. Phạm Xuân Thảo, TS. Trần Hậu Ngọc, ThS. Nguyễn Ngọc Chiến, ThS. Đỗ Thị Thùy Dương, ThS. Đỗ Sơn Tùng
Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ

Tóm tắt:

Qua việc nghiên cứu những bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu[1] trên thế giới, nhóm tác giả đã tìm hiểu ảnh hưởng của việc xếp hạng tới hoạt động của các đối tượng có liên quan. Có hai loại bảng xếp hạng đó là bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu trên thế giới (gọi là bảng xếp hạng quốc tế) và bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu trong một quốc gia (gọi là bảng xếp hạng quốc gia). Bài viết này phân tích quan điểm về các bảng xếp hạng quốc tế do Scimago và Thomson Reuters công bố, các bảng xếp hạng quốc gia của Đức (do Hội đồng Khoa học Liên bang, Đức công bố) và của Nhật (do Thomson Reuters công bố) để thấy rõ ý nghĩa của việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu. Các tác giả cũng phân tích quan điểm về sự cần thiết của việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu ở Việt Nam đối với các nhà hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), đối với bản thân các tổ chức nghiên cứu cũng như công chúng trong nước. Từ những phân tích đó, các tác giả bài viết cho rằng trong bối cảnh KH&CN Việt Nam hiện nay, xếp hạng các tổ chức nghiên cứu là việc nên làm và cần thực hiện song song với việc đánh giá định kỳ hoạt động của các tổ chức.

Từ khóa: *Xếp hạng; Tổ chức nghiên cứu; Hoạch định chính sách; Phát triển KH&CN.*

Mã số: *15081701*

1. Giới thiệu

Việc phổ biến kết quả đánh giá, xếp hạng các tổ chức nghiên cứu trên thế giới mới chỉ phát triển rầm rộ từ cuối thập niên 1990 và đầu những năm 2000, nhưng nó đã trở thành mối quan tâm lớn trong xã hội và cộng đồng nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Trên một số diễn đàn khoa học, người ta bàn luận sôi nổi về việc xếp hạng và các thứ hạng được công bố. Có nhiều khen ngợi đối với các bảng xếp hạng, song cũng có không ít những phản ứng trái chiều - chỉ trích đối với một số bảng xếp hạng. Các bảng xếp hạng quốc tế mang tính chất cạnh tranh thứ hạng về danh tiếng. Các bảng xếp hạng quốc gia thường gắn liền với mục đích, mục tiêu chiến lược của quốc gia đó.

[1] Tổ chức nghiên cứu trong bài viết này bao gồm các trung tâm nghiên cứu và phát triển, viện nghiên cứu và các trường đại học

Bài viết này sẽ tập trung tìm hiểu xem các nước đối xử như thế nào với việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu, mà không khai thác, phân tích sâu về tiêu chí và cách thức thực hiện việc xếp hạng đó. Từ đó, các tác giả sẽ phân tích quan điểm về tính cần thiết của việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu ở Việt Nam.

2. Ý nghĩa của việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu

Những năm gần đây, có một số tổ chức thực hiện việc đánh giá xếp hạng các tổ chức nghiên cứu và những báo cáo xếp hạng của họ đã gây được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu và các nhà quản lý. Sau đây chúng tôi sẽ phân tích quan điểm về một số bảng xếp hạng nổi tiếng nhằm thấy rõ việc các nước đối xử như thế nào với việc xếp hạng tổ chức nghiên cứu, đồng thời thấy rõ ý nghĩa của việc xếp hạng này:

SCImago Lab - một nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Granada (Tây Ban Nha) thực hiện Dự án Xếp hạng tổ chức nghiên cứu (tên dự án là The SCImago Institutions Rankings). Họ đã tiến hành phân tích các kết quả nghiên cứu của tổ chức nghiên cứu. Mục đích nền tảng của Dự án là nhằm thiết kế các công cụ phân tích để giúp các tổ chức nghiên cứu giám sát, đánh giá kết quả nghiên cứu của họ và đưa ra quyết định để cải thiện hiệu suất nghiên cứu và cơ hội nhận được tài trợ. Sản phẩm quan trọng nhất trong Dự án này là các báo cáo xếp hạng tổ chức nghiên cứu trên thế giới - SIR World Report[2], bao gồm danh sách xếp hạng các tổ chức nghiên cứu có số lượng công bố khoa học hàng đầu thế giới cùng những phụ bản cho các khu vực. Dự án này cũng tiến hành xếp hạng các tạp chí khoa học và các quốc gia ở các lĩnh vực nghiên cứu. Đây là cổng thông tin cung cấp những chỉ số khoa học của các tạp chí và quốc gia dựa trên những thông tin có trong Scopus[3]. Các chỉ số này được dùng để đánh giá các lĩnh vực nghiên cứu. SCImago đã thực hiện công việc này một cách bài bản từ năm 2009 và đến nay đã có 5 báo cáo được công bố, đó là các sản phẩm phân tích cho các giai đoạn: 2003-2007 (công bố năm 2009); 2004-2008 (công bố năm 2010); 2005-2009 (công bố năm 2011); 2006-2010 (công bố năm 2012); 2007-2011 (công bố năm 2013). SCImago thực hiện xếp hạng dựa vào việc phân tích các chỉ số về hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu. Các chỉ số đó là: *ảnh hưởng khoa học* - tức là vị trí của tổ chức nghiên cứu trong cộng đồng nghiên cứu của một quốc gia, của khu vực hay trên toàn thế giới; *quy mô đầu ra* - các bài báo công bố; và *mối liên kết/hợp tác quốc tế* - tỷ lệ bài báo do hợp tác quốc tế với các tổ chức nghiên cứu khác thuộc một hay nhiều

[2] Scimago Institutions Rankings – SIR World Report các năm 2009, 2010, 2011, 2012 và 2013.

[3] Scopus là cơ sở dữ liệu (thuộc Nhà xuất bản Elservier) về các công bố được phản biện: các tạp chí khoa học, sách, kỷ yếu hội thảo. Scopus cung cấp dữ liệu phân tích tổng quan về đầu ra nghiên cứu các lĩnh vực: khoa học, công nghệ, y học, khoa học xã hội, nghệ thuật và nhân văn.

nước khác nhau[4]. Những báo cáo xếp hạng này luôn nhận được mối quan tâm đặc biệt của các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà nghiên cứu, giới truyền thông và công chúng - những người quan tâm đến năng lực nghiên cứu của các tổ chức trên thế giới.

Thomson Reuters: Hãng truyền thông nổi tiếng này nắm giữ khối tài sản rất lớn là cơ sở dữ liệu khoa học (Thomson Scientific Database). Từ việc khai thác, phân tích dữ liệu, họ đã công bố rất nhiều kết quả bổ ích cho giới nghiên cứu tham khảo. Một trong những kết quả nổi bật trong chuỗi phân tích đó là bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu ở 22 lĩnh vực nghiên cứu[5] bởi hệ thống các "chỉ số khoa học thiết yếu" (Essential Science Indicators-ESI[6]). Đó là những chỉ số cho phép xác định được ảnh hưởng của cá nhân, tổ chức, các bài báo/các công bố và của một đất nước trên một lĩnh vực nghiên cứu nào đó, cũng như xác định được các lĩnh vực nghiên cứu mới nổi có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của họ.

Năm 2012, TOKYO - Thomson Reuters có một công bố mới về xếp hạng các tổ chức nghiên cứu ở Nhật Bản trên 22 lĩnh vực nghiên cứu[6] trong các năm từ 2001 đến 2011[7]. Trong đó, tiêu chí đánh giá chủ đạo là *mức độ trích dẫn* của các bài báo được công bố từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2011. So sánh với các tổ chức nghiên cứu trên thế giới cho thấy: các tổ chức nghiên cứu của Nhật Bản ở 5 lĩnh vực (khoa học vật liệu, vật lý, hóa học, sinh học/hóa sinh và miễn dịch học) được xác định là chiếm vị trí Top 5 và Top 10 thế giới; Điều này thể hiện những đóng góp đặc biệt quan trọng của Nhật Bản trong cộng đồng nghiên cứu thế giới. Đặc biệt, các tổ chức nghiên cứu của Nhật Bản ở 3 lĩnh vực (khoa học vật liệu, vật lý và hóa học) có ảnh hưởng rất mạnh mẽ. Vì vậy các tổ chức nghiên cứu cũng như giới nghiên cứu ở Nhật Bản luôn là đối tác được nhắm tới. Ở Nhật Bản, kết quả đánh giá xếp hạng các tổ chức nghiên cứu ngày càng được sử dụng vào nhiều việc quan trọng. Nhiều tổ chức nghiên cứu sử dụng dữ liệu này cho chiến lược phát triển tổ chức của họ. Thứ hạng của các tổ chức cũng có thể thay đổi từng năm, nên người ta đã phải dựa vào kết quả đánh giá cho một quá trình - 10 năm để đảm bảo tính công bằng. Cuối tháng 12/2012, Nhật Bản đã sử dụng dữ liệu phân tích, đánh giá xếp hạng để ra quyết định sáp nhập một số

---

[4] Bản tổng hợp các báo cáo "Scimago Institutions Rankings" của Scimago, 2013.

[5] 22 lĩnh vực nghiên cứu bao gồm: Y học lâm sàng, hóa học, vật lý, sinh học và hóa sinh, sinh học phân tử, khoa học thần kinh, khoa học động thực vật, khoa học vật liệu, kỹ thuật, miễn dịch học, khoa học xã hội, di truyền học, môi trường/sinh thái học, dược học, địa chất, tâm lý học, vi sinh vật, khoa học nông nghiệp, khoa học không gian, khoa học máy tính, kinh tế học và thương mại.

[6] Các chỉ số khoa học thiết yếu - ESI là một cơ sở dữ liệu thống kê cung cấp dữ liệu về các công bố và xu hướng trích dẫn được sử dụng để đo lường hiệu quả nghiên cứu. ESI dựa trên dữ liệu 10 năm của Thomson Reuters và là một tập hợp các thông tin về các nhà nghiên cứu, các tổ chức nghiên cứu được xếp hạng cao nhất trên toàn thế giới dựa trên số trích dẫn công bố. Dữ liệu ESI được cập nhật 2 tháng một lần.

[7] Thomson Reuters Announces Ranking of top Japanese Research Institutions for all Fields, 2001-2011.

trường đại học và viện nghiên cứu. Cũng giống như Nhật Bản, trước đây khá lâu thì Viện Max-Planck (Đức)[8] và Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc (CAS)[9] ra đời là kết quả của việc thống nhất các tổ chức thông qua phân tích kết quả xếp hạng.

Hội đồng Khoa học CHLB Đức - WR: Từ đầu năm 2003, WR đã trình những kết quả nghiên cứu và đề xuất phương pháp luận, kế hoạch tiến hành xếp hạng các tổ chức nghiên cứu và từ tháng 7/2003, WR đã chính thức bắt đầu thực hiện kế hoạch này[10]. Trong những bước đầu tiên thực hiện, với phương châm vừa thực hành vừa điều chỉnh phương pháp luận, một nhóm chuyên gia trong nước và quốc tế đã được WR tín nhiệm để cùng hoàn chỉnh phương pháp luận đánh giá xếp hạng các tổ chức nghiên cứu. Từ thực tế đánh giá tại Đức, WR khẳng định: đánh giá so sánh/xếp hạng có thể làm tăng tính minh bạch về hiệu quả hoạt động của các hệ thống nghiên cứu và đồng thời cũng giúp bản thân các tổ chức có "nguyên liệu đầu vào" để xây dựng chiến lược nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao danh tiếng trong cộng đồng nghiên cứu trong nước và quốc tế. Đối với việc xếp hạng tổ chức nghiên cứu, các tiêu chí đánh giá chính bao gồm: *chất lượng* - tiêu chí đảm bảo tính mới của kết quả nghiên cứu, vớichỉ số là số trích dẫn của các bài báo khoa học/công bố; *sự ảnh hưởng* - sự đóng góp của tổ chức nghiên cứu đối với sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu, chỉ số là các bài báo khoa học; *hiệu suất* - dựa trên mối tương quan giữa đầu ra nghiên cứu và các nguồn lực; *sự khuyến khích các nhà nghiên cứu trẻ* - chỉ số tương ứng là số nghiên cứu sinh, số nhà nghiên cứu trẻ có vị trí khoa học độc lập; *sự liên quan* - liên đới của kết quả nghiên cứu tới các lĩnh vực nghiên cứu khác; *ứng dụng trong công nghiệp* - đối với việc sản xuất, dịch vụ…; *đóng góp liên tục cho giáo dục* - các khóa đào tạo; đóng góp cho việc *phổ biến tri thức* ra công chúng - tư vấn và chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Như vậy, ý nghĩa của bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu là mong muốn thể hiện thứ hạng về hiệu suất, chất lượng đầu ra và những đóng góp cơ bản của các tổ chức cho cộng đồng nghiên cứu, để các đối tượng có liên quan tham khảo khi ra quyết định. Việc xếp hạng này mang lại nhiều giá trị/lợi ích đáng kể, tuy nhiên cũng vấp phải nhiều khó khăn/chỉ trích.

3. Giá trị và khó khăn khi xếp hạng tổ chức nghiên cứu

Các bảng xếp hạng tổ chức nghiên cứu mang lại những giá trị cơ bản sau:

---

[8] Thông tin lấy từ báo cáo: "Report of the International Commission for System Evaluation of the Deutsche Forschungsgemeinschaft and the Max Planck Society", Hanover 1999.

[9] Hiện tại, Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc - CAS vẫn phát triển việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu trực thuộc trên một loạt các chỉ số đầu ra nghiên cứu. Tài liệu do CAS cung cấp.

[10] Tổng hợp trên báo cáo: "Recommendations for rankings in the system of higher education and research", của Hội đồng Khoa học Đức (WR), 12 November 2004.

- *Cung cấp thông tin*: Ở tầm quốc gia, các hệ thống xếp hạng tổ chức nghiên cứu có thể cung cấp những thông tin hữu ích cho chính quyền và các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách KH&CN. Xếp hạng có đóng góp quan trọng trong việc định hướng chất lượng nghiên cứu và cũng là yếu tố đảm bảo tiêu chuẩn khoa học. Các định hướng có thể được "gửi gắm" qua những tiêu chí, chỉ số xếp hạng. Đối với cá nhân - nhà nghiên cứu, bảng xếp hạng là nguồn dữ liệu đưa ra những so sánh về hoạt động của các tổ chức nghiên cứu, ảnh hưởng tới việc lựa chọn tổ chức nào họ muốn vào làm việc;
- *Cải thiện chất lượng*: Các bảng xếp hạng được xem là đóng vai trò hữu ích trong việc tập trung vào những khía cạnh quan trọng của thành tựu khoa học. Trong việc khuyến khích chất lượng nghiên cứu, mọi người đều tin rằng các tổ chức nghiên cứu đều muốn trở thành "số 1" và các quốc gia đều muốn có tổ chức nghiên cứu xếp hạng hàng đầu. Vì vậy, việc xếp hạng có thể thúc đẩy cộng đồng khoa học cố gắng cải thiện chất lượng, khuyến khích cạnh tranh và nâng cao hiệu suất nghiên cứu;
- *Thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh*: Các bảng xếp hạng đôi khi đã tạo điều kiện cho các tổ chức nghiên cứu thể hiện những đặc điểm nổi trội của mình. Như vậy, các bảng xếp hạng dẫn tới chất lượng cao hơn và cho phép các tổ chức "đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu";
- *Ảnh hưởng tích cực lên các tổ chức*: Các tổ chức nghiên cứu có thể sử dụng hệ thống xếp hạng để so sánh hoạt động của mình với các tổ chức khác, nhà quản lý có thể sử dụng kết quả này để đánh giá điểm mạnh và điểm yếu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Vì thế, các xếp hạng này có thể được sử dụng để khuyến khích các tổ chức cải thiện hiệu quả hoạt động nội bộ. Ngoài ra, nó khuyến khích các tổ chức đảm nhận trách nhiệm lớn hơn nữa;
- *Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm công*: Các bảng xếp hạng này được cho rằng nếu được lên kế hoạch tốt, cẩn thận và chặt chẽ, chúng có thể cung cấp những thông tin quan trọng và có thể phục vụ như một công cụ hiệu quả cho trách nhiệm giải trình công.

Vấn đề xếp hạng liên quan tới thực tế chứ không phải lí thuyết, cho nên tiến hành công việc đánh giá xếp hạng các tổ chức nghiên cứu sẽ gặp *những khó khăn, thách thức cơ bản sau đây*:

- *Thách thức về phương pháp luận*: Trong xếp hạng, nhiều chỉ số và trọng số không dựa trên lý thuyết, trọng số được đưa ra một cách tùy tiện và sử dụng để xây dựng một bức tranh về các tổ chức được xếp hạng với nhau, phản ánh quan điểm của nhà xuất bản/người thực hiện việc xếp hạng. Những chỉ trích trong lựa chọn chỉ số và trọng số bao

gồm: (i) Các trọng số thường được đưa ra chung cho nhiều ngành khác nhau, trong khi tính chất nghiên cứu ở các ngành khác nhau có nhiều khác biệt; (ii) Sử dụng những giải thưởng quốc tế như Nobel là thể hiện sự xuất sắc đã làm "giảm nhiệt" nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn - các lĩnh vực không trao giải thưởng Nobel; (iii) Số lượng bài báo công bố không nhất thiết phải liên quan tới chất lượng (kiểu như là "số lượng nhiều nhưng chất lượng thấp" hay "chất lượng cao mà số lượng ít quá"), gây sự bối rối; (iv) Cách thức đánh giá các ấn phẩm nghiên cứu đôi khi bị chồng chéo; (v) Sử dụng các trích dẫn chỉ nhấn mạnh vào các tài liệu viết bằng Tiếng Anh mà chưa tính đến các tài liệu bằng ngôn ngữ khác. Việc này có xu hướng bỏ qua trích dẫn ở các ngôn ngữ khác; (vi) "Uy tín" thường được sử dụng như một cách đánh giá chất lượng khoa học trong xếp hạng của giới truyền thông. Nhiều xếp hạng của họ đưa ra hơn 50% trọng số là ở uy tín. Đây là một cách đánh giá chủ quan và không chính xác; (vii) Các hệ thống xếp hạng cũng bị nhận sự chỉ trích lớn do liên tục thay đổi phương pháp luận - mặc dù các tổ chức có thể không thực sự thay đổi đáng kể nhưng thứ hạng có thể biến động từ năm này sang năm khác do các trọng số quy cho từng chỉ số luôn thay đổi. Thay đổi phương pháp luận và đưa ra các bảng xếp hạng mới được xem là "thủ đoạn thị trường" của giới truyền thông nhằm tăng doanh số và xếp hạng này có thể bị hiểu lầm; (viii) Một số tổ chức có xu hướng chỉ tập trung vào các chỉ số và trọng số sử dụng trong xếp hạng giúp họ đạt được xếp hạng cao hơn, các mặt quan trọng khác không được quan tâm;

- *Thiếu sự công nhận và đa dạng hoàn cảnh*: Các tổ chức có những nhiệm vụ, mục tiêu, mục đích khác nhau trong khi các bảng xếp hạng có xu hướng bỏ qua những vấn đề này. Xếp hạng gần như không có giá trị thúc đẩy nỗ lực cải tiến chất lượng tập trung vào mục tiêu và nhiệm vụ của tổ chức. Đôi khi các bảng xếp hạng chính là nguồn cội nuôi dưỡng ảo tưởng về một sân chơi bình đẳng - nơi mà mọi tổ chức tưởng mình đã có thể nâng cao thành tích và vị trí của mình dựa trên nỗ lực của bản thân; Trong các bảng xếp hạng, các tổ chức tại các nước nói tiếng Anh có xu hướng đạt lợi thế hơn. Mặt khác, sự phù hợp của các chỉ số đánh giá phụ thuộc chủ yếu vào bối cảnh nghiên cứu của mỗi quốc gia - một chỉ số có thể có ý nghĩa quan trọng trong quốc gia này nhưng lại không có ý nghĩa ở quốc gia khác, ngay cả những tiêu chí tốt, được suy xét kĩ lưỡng cũng có thể không nhất thiết phải phổ biến trên toàn cầu;
- *Tạo ra cạnh tranh không lành mạnh*: Các tổ chức phải cạnh tranh vị trí hàng đầu trong bảng xếp hạng, nên họ có thể từ chối hợp tác với tổ chức khác gây bất lợi cho các cá nhân, tổ chức và nền khoa học nói chung;

- *Góp phần vào việc chảy máu chất xám*: các bảng xếp hạng như là một yếu tố khuyến khích các nghiên cứu sinh và nhà nghiên cứu xuất sắc tìm tới các tổ chức có thứ hạng cao trong bảng xếp hạng. Xếp hạng có khả năng làm trầm trọng hóa sự bất bình đẳng về nguồn nhân lực và thậm chí về nguồn vốn tài chính giữa các nước.

4. Việt Nam cần điều gì ở việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu

Những năm gần đây, nhiều nhà hoạch định chính sách nghiên cứu rất quan tâm đến vấn đề xếp hạng các tổ chức nghiên cứu. Họ muốn biết rõ hơn về việc các tổ chức nghiên cứu của Việt Nam được "đứng" trong Top bao nhiêu các tổ chức của thế giới hay Top bao nhiêu tổ chức của Châu Á...

Năm 2012, giới nghiên cứu, học thuật ở Việt Nam vui mừng khi trong báo cáo SIR World Report[11] 2012 (danh sách các tổ chức nghiên cứu công bố khoa học hàng đầu thế giới; các tổ chức được xếp hạng dựa trên công bố khoa học 5 năm liền trước của năm báo cáo) cung cấp bảng xếp hạng 3290 tổ chức nghiên cứu trên thế giới công bố từ 100 công trình khoa học được ghi nhận từ năm 2010 thì Việt Nam có tên 4 tổ chức là: Viện KH&CN Việt Nam, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Các báo cáo SIR World Report tương tự các năm 2013 và 2014 cũng ghi nhận trong danh sách có 4 tổ chức trên của Việt Nam. Ngoài ra, Webometrics[12] cũng xác nhận Đại học Quốc gia Hà Nội nằm trong Top 1.000 đại học thế giới (năm 2013 xếp thứ 907/21.248 đại học, năm 2014 là 894/23.868), trong Top 200 (năm 2013 xếp thứ 187/7.292 đại học, năm 2014 ở thứ 226/8.916) khu vực Châu Á (xếp hạng dựa trên các chỉ số về công bố khoa học 5 năm 2006-2010). Tuy nhiên, 4 tổ chức có mặt trên trường quốc tế là con số rất ít ỏi trên tổng số gần 1.600 tổ chức KH&CN công lập[13] của Việt Nam.

Các nhà hoạch định chính sách phát triển KH&CN ở mọi quốc gia đều cho rằng: chỉ có đánh giá, so sánh công khai, minh bạch thì mới đảm bảo sự phát triển bền vững. "So sánh" được xem như là công cụ mạnh nhất để các tổ chức nghiên cứu nhìn nhận ra vị trí mà mình đạt được. Nhiều nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách KH&CN muốn biết nước ta có bao nhiêu tổ chức nghiên cứu mạnh (so sánh các tổ chức nghiên cứu ở Việt Nam) trong các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau để tìm cách nuôi dưỡng, phát triển thành các tổ chức nổi danh trên trường quốc tế. Việc đánh giá xếp hạng các tổ chức vừa giúp các nhà quản lý có cơ sở nhận biết các tổ

[11] Scimago Institutions Rankings - SIR World Report 2012, 2013 và 2014. Xem tại: http://www.scimagoir.com/research.php

[12] Bảng xếp hạng các trường đại học nghiên cứu, xem tại: http://www.webometrics.info/en/Asia_Pacifico?page=2

[13] Số liệu do Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp năm 2013.

chức tiềm năng, vừa giúp các tổ chức nghiên cứu thấy rõ hiệu quả hoạt động của mình để phấn đấu, nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp nền KH&CN phát triển. Vì tầm quan trọng của việc đánh giá xếp hạng như vậy, mà một vài tổ chức đã xây dựng các tiêu chí xếp hạng cơ sở nghiên cứu và đào tạo đại học đẳng cấp quốc tế. Ví dụ, đầu năm 2013, Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng các tiêu chí về trường đại học nghiên cứu[14] đạt chuẩn quốc tế với các mục tiêu là: Xác định các tiêu chí xây dựng đại học nghiên cứu theo hướng tiếp cận chuẩn hóa và hội nhập quốc tế; Định lượng hóa các tiêu chí, làm cơ sở để Đại học Quốc gia Hà Nội, các đơn vị nghiên cứu trực thuộc phân tích, đánh giá, nhận định về hiện trạng, xác định đúng kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên; và Thúc đẩy các đơn vị từng bước phát triển để đạt chuẩn đại học nghiên cứu của khu vực và quốc tế. Trong đó, Đại học Quốc gia Hà Nội đưa ra các chỉ số của đại học nghiên cứu thuộc top 500 thế giới để phấn đấu.

Đối với các nhà hoạch định chính sách phát triển KH&CN, đánh giá là mắt xích quan trọng trong quy trình quản lý. Bởi vậy, trong quá trình triển khai Luật KH&CN năm 2013, ngày 16/12/2014, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ký ban hành Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN quy định về đánh giá tổ chức KH&CN. Trong đó quy định về phương pháp, quy trình và tiêu chí đánh giá định kỳ mọi khía cạnh liên quan đến hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và phát triển trong và ngoài trường đại học. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện Thông tư này vẫn còn khá khó khăn bởi chưa có quy định nào đề cập đến kinh phí dành cho việc đánh giá. Trong khi đó, gần đây, lại có một sự hối thúc mới, đó là: ngày 05/06/2015, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ký Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 có yêu cầu "*Tổ chức đánh giá, công bố xếp hạng hàng năm đối với các tổ chức KH&CN*"[15]. Rõ ràng việc đánh giá, tìm kiếm để nuôi dưỡng và phát triển các tổ chức nghiên cứu có đủ khả năng hội nhập quốc tế là một trong những giải pháp cần thiết để dần khẳng định vị thế/danh tiếng của KH&CN Việt Nam trên trường quốc tế. Nhưng theo kinh nghiệm quốc tế (như đã phân tích trên đây) cho thấy rằng việc xếp hạng các tổ chức có thể là biện pháp thiết thực nhất trong thời điểm hiện nay - có thể nói đây là *biện pháp "tự nhiên" để tạo áp lực cạnh tranh, vươn lên đứng đầu danh sách xếp hạng nhằm thu hút tài trợ hơn nữa và phát triển năng lực cũng*

---

[14] Xem trên website của Đại học quốc gia Hà Nội: https://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C2576/N16816/Xay-dung-dH-nghien-cuu:-Quy-trinh-IT-%E2%80%93-I&T.htm. Năm 2013, lần đầu tiên ĐHQGHN ban hành Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD (gọi tắt là Bộ tiêu chí 1206) về các tiêu chí của đại học nghiên cứu để làm căn cứ phân tích nội bộ, quản trị hệ thống và hoạch định lộ trình phát triển của mình. Sau một năm thực hiện, đến năm 2014 vị trí của ĐHQGHN trong các bảng xếp hạng quốc tế tiếp tục được cải thiện.

[15] Mục 4, tiết 4.8 của Phần III - Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động KH&CN, Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ký ngày 05/06/2015.

như danh tiếng cho cả tổ chức và cá nhân trong cộng đồng nghiên cứu. Trong bối cảnh của hoạt động KH&CN ở Việt Nam hiện nay, nên bắt đầu từ việc xếp hạng các tổ chức nghiên cứu cơ bản với tiêu chí quan trọng nhất là thành tích (số lượng và chất lượng) công bố, đặc biệt là công bố quốc tế mà các tổ chức có được[16]. Đây cũng chính là *nhu cầu "có động lực"của bản thân các tổ chức nghiên cứu và cộng đồng nghiên cứu*. Hơn nữa, cũng như các nhà hoạch định chính sách và nhà nghiên cứu, *công chúng cũng có nhu cầu "được biết"*, họ rất quan tâm và đặt những câu hỏi kiểu như là: Những tổ chức nào, ở lĩnh vực nghiên cứu nào được đứng thứ hạng cao trong hệ thống tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế?… Mức độ quan tâm của các đối tượng là công chúng cũng khác nhau tùy theo mục đích tìm hiểu.

Số lượng các tổ chức nghiên cứu ở nước ta khá lớn. Việc đánh giá định kỳ tổng thể hoạt động của mọi tổ chức[17] ở thời điểm này là rất khó khăn, vì vậy, trong giai đoạn đầu, cần tiến hành song song việc đánh giá xếp hạng với việc đánh giá tổng thể hoạt động (theo quy định về đánh giá tổ chức KH&CN tại Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN). Cách thức tiến hành theo trình tự sau: (i) Phân nhóm các tổ chức; (ii) Xếp hạng từng nhóm tổ chức; (iii) Đánh giá xếp hạng theo kết quả đầu ra, đưa ra thứ hạng; (iv) Đánh giá tổng thể hoạt động của các tổ chức đứng thứ hạng thấp nhất (để kiến nghị điều chỉnh, sáp nhập hoặc giải thể), hoặc của các tổ chức đứng thứ hạng cao nhất (để phát triển, giao nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ quốc gia,…), hoặc của cả hai đối tượng này, tùy bối cảnh hay mục đích cụ thể của cơ quan quản lý.

4. Kết luận

Nhiều quốc gia quan tâm, đón nhận các bảng xếp hạng các tổ chức nghiên cứu (cả xếp hạng quốc tế và xếp hạng quốc gia). Có nhiều lý do khác nhau (của những đối tượng) quan tâm đến các bảng xếp hạng và sự quan tâm cũng ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, có một đặc điểm chung là các bảng xếp hạng đều có thể là một trong các biện pháp tạo áp lực cạnh tranh, phát triển danh tiếng cho các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng nghiên cứu. Hơn nữa, từ kết quả xếp hạng, các nhà hoạch định chính sách có thêm căn cứ nhận diện các đối tác hỗ trợ phát triển KH&CN và nhận diện các lĩnh vực, tổ chức nghiên cứu tiềm năng cần đầu tư. Vì thế, việc xếp hạng và công bố kết quả xếp hạng thường niên các tổ chức nghiên cứu ở Việt Nam là điều

[16] Từ những năm 2007, 2008 một số nhà khoa học đã mạnh mẽ lên tiếng ủng hộ quan điểm này, xem tại: http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=162&CategoryID=3 và http://www.jaist.ac.jp/~bao/Writings/danhgiaNCCB.pdf

[17] Theo quy định tại Điều 17 Luật KH&CN ngày 18/6/2013: tổ chức KH&CN công lập phải được đánh giá để phục vụ quản lý nhà nước.

cần thiết và nên tiến hành song song với việc đánh giá định kỳ hoạt động của các tổ chức theo quy định tại Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/06/2015, Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2016-2020.
2. Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN ngày 16/12/2014, Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đánh giá tổ chức KH&CN.
3. Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD ngày 23/04/2013, Đại học quốc gia Hà Nội về các tiêu chí của đại học nghiên cứu.

Tiếng Anh:

4. *Forschungsgemeinschaft and the Max Planck Society*. Hanover, 1999.
5. *Recommendations for rankings in the system of higher education and research*. German Council of Science and Humanities - WR, 12 November 2004.
6. *Scimago Institutions Rankings - SIR World Report* 2009, 2010, 2011, 2012, 2013.
7. *Thomson Reuters Announces Ranking of top Japanese Research Institutions for all Fields,* 2001-2011.
8. *Report of the International Commission for System Evaluation of the Deutsche*.
9. *Criteria and indicators for ranking of Chinese Academy of Sciences* - CAS, 2010.
10. *Research University Ranking*:http://www.webometrics.info/en/Asia_Pacifico?page=2